

Bản án số: 03 /2018 / HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2018

Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà

* **Các hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Xuân Viện

2. Ông Phạm Đức Long

* **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân -
Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:** Ông
Nguyễn Đức Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2018 tại Hội trường, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 300/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2017 về việc “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX- ST ngày 02/01/2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thị Thanh H, sinh năm 1987

HKTT: Tổ 17, P. QT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

Nơi ở: Tổ 02, thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt tại phiên tòa)

* **Bị đơn:** Anh Lê Trung H, sinh năm 1983

HKTT: Tổ 17, P. QT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

Nơi ở: Tổ dân phố XT, TT. HS, H. LT, tỉnh Vĩnh Phúc

(Có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án chị Trịnh Thị Thanh H (nguyên đơn) trình bày:

Chị và anh H kết hôn năm 2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn HS, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc và tổ chức

cưới hỏi theo nghi thức truyền thống của dân tộc. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc tại tổ 27 phường QT thành phố Thái Nguyên và có 01 con chung là Lê Minh D, sinh ngày 17/6/2009. Nguyên nhân chị xin ly hôn là do: Anh H ham mê cờ bạc, lơ đãng dẫn đến việc nợ nần quá nhiều, bản thân chị và gia đình sau khi phát hiện đã khuyên can và giúp anh H trả nợ nhưng anh H không sửa chữa mà lao sâu vào con đường cờ bạc hơn dẫn đến việc nhiều người đến đòi nợ. Từ tháng 10/2016 anh H bỏ nhà đi, chị và gia đình không thể liên lạc được và không biết anh H ở đâu, thi thoảng anh H mới về rồi lại đi ngay. Đến tháng 10/2017 chị mới biết tin anh H về sống với bố mẹ chồng chị ở thị trấn HS, LT, Vĩnh Phúc. Chị và anh H đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm gì với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Hiện tại con trai chị đang sống với anh H và ông bà nội tại quê, chị không muốn xáo trộn cuộc sống của cháu nên đồng ý với thỏa thuận của anh H là để anh H nuôi con chung là Lê Minh D, sinh ngày 17/6/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi chị sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị xin tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Chị H đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ: Đăng ký kết hôn giữa chị H, anh H (bản chính); Giấy khai sinh con chung (bản sao); Sổ hộ khẩu gia đình anh H, chị H (công chứng); chứng minh nhân dân chị H (công chứng).

Bị đơn anh Lê Trung H tại bản tự khai đề ngày 29/10/2017 trình bày: Anh công nhận lời khai của chị H về thời gian kết hôn, con chung là đúng. Theo anh, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, nợ nần nhiều nên bố mẹ chị H đã đưa chị H đi làm ăn nơi khác và anh không biết cũng không liên lạc được với chị H từ tháng 11/2016. Kể từ đó đến nay con trai anh là Lê Minh D cũng chưa một lần được gặp mẹ. Nay chị H có đơn ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Nếu hai anh chị ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi 01 con chung là Lê Minh D, sinh ngày 17/6/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con: anh H khai hiện anh đang làm nghề tự do thu nhập 8.000.000/tháng, con trai anh hiện đang với bố mẹ đẻ anh tại thị trấn HS, mỗi tháng anh gửi về gia đình 5.000.000đ để ông bà nuôi cháu ăn học. Bản thân anh vẫn thường xuyên chăm sóc con trai theo trách nhiệm của một người cha từ việc học hành, ăn ở của con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H đề nghị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 26/12/2017 của cháu Lê Minh D trình bày: Cháu hiện đang theo học tại trường tiểu học Liễn Sơn, thị trấn HS, Vĩnh Phúc, nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 26/12/2017 ông Lê Văn Dũng, bố đẻ anh Lê Trung H trình bày: anh H và chị H kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự

nguyện được sự đồng ý của hai bên gia đình thông gia. Bản thân vợ chồng ông thương yêu con dâu và cháu. Ông bà nuôi cháu D từ năm 2011, đến năm 2015 thì cháu D về sống với bố mẹ, đến năm 2016 anh H và chị H mang con trai về để ông bà tiện chăm sóc và cháu sống cùng ông bà nội và bố từ đó đến nay. Về nguyên nhân chị H có đơn đề nghị ly hôn theo ông là do hai vợ chồng ly thân từ 2016 đến nay nên tình cảm vợ chồng nhạt dần, một phần do tác động từ phía bố mẹ chị H. Mong muốn của ông Dững là anh H và chị H về đoàn tụ, trong trường hợp chị H vẫn muốn ly hôn ông có nguyện vọng là để anh H và vợ chồng ông bà chăm sóc cháu trai là Lê Minh D vì cháu ở với ông bà từ nhỏ lại tiện học hành, anh H vẫn thường xuyên chăm sóc, chu cấp cho cháu. Còn chị H kể từ khi đưa cháu về cho ông bà nuôi đến nay là 14 tháng vẫn chưa về thăm con mà chỉ gọi điện thăm hỏi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, hòa giải nhưng do anh H vắng mặt, vì vậy vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, chị H giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh H; chị H đồng ý để anh H nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Lê Minh D, sinh ngày 17/6/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi chị sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng. Tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tuân thủ đúng quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo quyền và nghĩa vụ. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Bị đơn vắng mặt có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Thanh H, cho chị H được ly hôn với anh Lê Trung H. Về con chung giao cháu Lê Minh D, sinh ngày 17/6/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị H được quyền đi lại thăm nom con chung. Việc cấp dưỡng không giải quyết do anh H không yêu cầu. Tài sản chung, công nợ chung không giải quyết trong vụ án này do các bên không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Thanh H và bị đơn anh Lê Trung H có hộ khẩu thường trú tại phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Các tài liệu chứng cứ các bên nộp cho tòa án đều đảm bảo theo quy định của bộ luật

tổ tụng. Bị đơn anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoảng 1 Điều 227 xét xử vắng mặt bị đơn.

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Trịnh Thị Thanh H và anh Lê Trung H là hợp pháp. Do quá trình chung sống anh H mãi mê cờ bạc, lơ đãng không chăm lo đến vợ con, nợ nần nhiều nên phải trốn tránh. Anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay không liên lạc hay thăm hỏi gì với nhau. Bản thân anh H trong quá trình giải quyết vụ án cũng không có mặt tại Tòa để tiến hành hòa giải. Như vậy, có thể khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Hai bên thống nhất thỏa thuận anh H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục con chung là cháu Lê Minh D, sinh ngày 17/6/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H mặc dù đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên chăm sóc con cái. Bản thân cháu D đã ở với ông bà nội từ năm 2011 và đang theo học tiểu học tại thị trấn HS, huyện LT tỉnh Vĩnh Phúc, cháu D cũng có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội. Xét thấy sự tự nguyện của các đương sự không trái pháp luật, mặt khác để đảm bảo sự phát triển bình thường, tránh xáo trộn cuộc sống và sự học tập của cháu nên cần giao cháu D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án không giải quyết vì anh H không có yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không giải quyết do hai bên đương sự không có yêu cầu.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Chị Trịnh Thị Thanh H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoảng 1 Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Thanh H. Cho chị Trịnh Thị Thanh H được ly hôn với anh Lê Trung H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh D, sinh ngày 17/6/2009 cho anh Lê Trung H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án không giải quyết vì anh H không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Án phí: Chị Trịnh Thị Thanh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0005124 ngày 15/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. TN ;
- Chi cục THADS TP. TN;
- UBND nơi ND, BD cư trú;
- Các DS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Viện- Phạm Đức Long

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. TN ;
- Chi cục THADS TP. TN;
- UBND nơi ND, BD cư trú;
- Các ĐS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 01 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán, chủ tọa phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà

* **Các hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Xuân Viện

2. Ông Phạm Đức Long

Ngày 12/01/2018 tại Phòng nghị án, HĐXX sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án HNGĐ thụ lý số 300/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2017 về việc “ly hôn” giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thị Thanh H, sinh năm 1987

HKTT: Tổ 17, P. QT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

Nơi ở: Tổ 02, thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

*** Bị đơn:** Anh Lê Trung H, sinh năm 1983

HKTT: Tổ 17, P. QT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

Nơi ở: Tổ dân phố XT, TT. HS, H. LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Thanh H. Cho chị Trịnh Thị Thanh H được ly hôn với anh Lê Trung H.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. **Về con chung:** Giao cháu Lê Minh D, sinh ngày 17/6/2009 cho anh Lê Trung H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án không giải quyết vì anh H không có yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

4. **Án phí:** Chị Trịnh Thị Thanh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0005124 ngày 15/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Viện- Phạm Đức Long

Nguyễn Thị Thu Hà

